

Số: 19/2025/QĐST-HNGĐ

Thuận Hóa, ngày 04 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, quận T, thành phố H.

- Chị **Lại Thị L**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, quận T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, quận T, thành phố H) vào ngày 08/3/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh M, chị L trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/01/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/10/2003 và Nguyễn Thái B, sinh ngày 23/7/2010. Cháu C đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M, chị L thỏa thuận giao cháu B cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; anh M không phải cấp dưỡng cho con. Xét việc thỏa thuận của anh M, chị L là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); mỗi người chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L thuận T1 ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 23/7/2010 cho chị Lại Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng cho con. Thời hạn nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thái B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn M và chị Lại Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền anh M, chị L đã nộp theo biên lai số 0000548 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thuận Hóa, thành phố H. Anh M, chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- UBND phường Thủy Vân
(ĐKKH số 06, quyền số: 01/2006
ngày 08/3/2006);
- Các đương sự;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Dũng